

Bản án số: 58/2018/ HS-ST
Ngày 20 tháng 6 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Hoàng Văn Đích;

2. Bà: Hoàng Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2018/TLST-HS, ngày 09 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Xuân T**, sinh ngày: 01/4/1995 tại huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Đỗ Xuân T1, sinh năm: 1956 và bà: Dương Thị L (Đã chết). Gia đình có 5 chị em, bị cáo là thứ 5 trong gia đình. Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Có 01 tiền án:

- Ngày 26/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Phú Bình xử phạt 09 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” và buộc bị cáo T phải trả cho anh Dương Văn K số tiền 5.000.000 đồng, hiện bị cáo chưa hoàn trả cho anh K số tiền này.

Tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2018 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Chị Đỗ Thị M - Sinh năm: 1992;

Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Dương Văn C - Sinh năm: 1988; nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

- **Người làm chứng:**

1. Ông Đỗ Xuân T1 - Sinh năm: 1956;

Nơi cư trú: Xóm Hoàng Mai 1, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Nguyễn Văn N- Sinh năm: 1969;

Nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên.

3. Chị Mai Thị Thảo - Sinh năm: 1995;

Nơi cư trú: Xóm L, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

(Đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 06/02/2018 bị cáo Đỗ Xuân T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc ti vi nhãn hiệu LG 49 LJ553T là tài sản riêng của chị Đỗ Thị M (là chị gái của T) ở cùng nhà để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Để thực hiện ý định trên T đã gọi điện cho một hãng Taxi, T không nhớ là hãng nào đến nhà và chở T đi, sau đó T gọi điện cho anh Dương Văn C hỏi “Anh có biết ai mua ti vi không”. C hỏi “Ti vi của ai, hãng gì”, T nói “Em chỉ biết ti vi 49 inch của nhà em vừa mua” thì C nói “Thế mang lên đây anh mua cho”. Sau đó T lên xe taxi mang tivi đến quán nơi anh C làm việc trên thành phố T. Đến nơi T gọi điện cho anh C ra và bảo “Em không có tiền, anh trả hộ tiền Taxi cho em” rồi anh C đưa cho T 150.000 đồng để trả tiền Taxi. Tại đây T nói với anh C đang cần tiền đi Trung Quốc và muốn bán chiếc ti vi trên với giá là 5.000.000 đồng, anh C bảo đắt không mua, lúc này T không nói gì thì anh C lấy 550.000 đồng đưa cho T và hẹn T đến tối bà chủ về lấy được tiền thì sẽ trả nốt, T đồng ý. Sau đó anh C bảo T mang chiếc ti vi vào trong quán để, còn T đi bộ đến nhà nghỉ Mai Anh gần cổng Bệnh viện G, T thuê phòng nghỉ. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày anh C gọi điện cho bố vợ là ông Nguyễn Văn N và bảo ông N đến quán nơi C đang làm việc để chở chiếc ti vi mua của T về nhà. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày T gọi điện cho anh C đòi tiền thì anh C đồng ý và bảo T đến quán. T đi bộ đến quán thì anh C đưa thêm cho T số tiền 2.000.000 đồng, T đòi thêm nhưng anh C nói không có và bảo T để tối về nhà hỏi vợ xem nếu có thì mai đưa thêm cho T 1.000.000 đồng nữa. Đến sáng ngày 07/02/2018 T gọi điện cho anh C đòi thêm

1.000.000 đồng nhưng anh C bảo không có và từ đó T không liên lạc với anh C nữa. Sau khi nhận tiền bán ti vi từ anh C thì T đã mang đi mua ma túy và tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi sự việc xảy ra chị Đỗ Thị M làm đơn trình báo Công an xã T và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/02/2018, cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Bình yêu cầu định giá tài sản đối với 01 chiếc ti vi nhãn hiệu LG 49 LJ553T mà Đỗ Xuân T đã trộm cắp. Tại bản kết luận số 185 ngày 22/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phú Bình kết luận: Chiếc ti vi nhãn hiệu LG 49 LJ553T mà T trộm cắp của chị M có giá trị là 9.500.000 đồng.

Vật chứng của vụ án là: 01 chiếc ti vi nhãn hiệu LG 49 LJ553T, hiện đã được thu hồi, trả lại cho chị Đỗ Thị M là bị hại quản lý và sử dụng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đỗ Xuân T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản, vì bị cáo đã có hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản là chị Đỗ Thị M trộm cắp 01 chiếc tivi Led LG 49LJ553T của có giá trị là 9.500.000 đồng.

Bản cáo trạng số 60/CT-VKSPB, ngày 09-5-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Đỗ Xuân T về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Xuân T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Xuân T từ 15-18 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại chị Đỗ Thị M đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì nên không đặt ra giải quyết.

- Áp dụng Điều 48 của BLHS năm 2015 và các Điều 117, 119, 122, 127 và Điều 131 BLDS buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại anh Dương Văn C số tiền 2.700.000 đồng.

Bị cáo phải chịu một khoản án phí HSST và DSST sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

Bị cáo Đỗ Xuân T không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì về hành vi phạm tội của mình, bị cáo thừa nhận việc truy tố là không oan, đúng người, đúng tội. Khi được nói lời sau cùng bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Bị hại chị Đỗ Thị M có ý kiến về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo, về phần bồi thường thiệt hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh Dương Văn C) đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh số tiền 2.700.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Do không có tiền tiêu sài các nhân và cần tiền mua ma túy để sử dụng nên bị cáo Đỗ Xuân T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền. Vào khoảng 09 giờ ngày 06/02/2018, lợi dụng lúc này không có ai ở nhà nên bị cáo T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc ti vi nhãn hiệu LG 49 LJ553T của chị Đỗ Thị M (là chị ruột và ở cùng nhà với bị cáo) có trị giá 9.500.000 đồng. Sau đó bị cáo gọi Taxi mang lên khu vực phường T, thành phố T bán cho anh Dương Văn C lấy số tiền 2.700.000 đồng và đã mua ma túy, tiêu sài hết số tiền trên.

Xét thấy, bị cáo Đỗ Xuân T là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên buộc phải nhận thức và biết được hành vi đó của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Xét hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ hở của bị hại chiếm đoạt tài sản là chiếc ti vi nhãn hiệu LG có giá trị là 9.500.000 đồng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh, điều luật viện dẫn trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật quy định như sau:

Điều 173 BLHS năm 2015. Tội trộm cắp tài sản.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được Pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội và bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015. Tại phiên tòa bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

Về nhân thân, thấy bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, bản thân đã bị xử phạt tù về hành vi chiếm đoạt tài sản, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm, tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu và coi thường Pháp luật. Vì vậy, dù có giảm nhẹ phần nào về hình phạt, nhưng căn cứ nhân thân cũng như tính chất, mức độ vi phạm do hành vi phạm tội của bị cáo cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian cần thiết để có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] *Về hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của BLHS năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thấy bị cáo là đối tượng nghi ma túy, không có nghề nghiệp, sống phụ thuộc gia đình và không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:* Bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt tài sản là chiếc ti vi LG 49 inch chỉ Đỗ Thị M. Tài sản đã được Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Bình thu hồi và trả lại chỉ M quản lý, sử dụng. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa, chị M cũng không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên không đặt ra xem xét, giải quyết tiếp.

Đối với anh Dương Văn C là người mua chiếc ti vi do bị cáo phạm tội mà có, sau khi vụ án bị phát hiện, anh C đã tự nguyện giao, nộp lại tài sản cho Cơ quan điều tra để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra và tại phiên tòa anh C yêu cầu bị cáo hoàn trả lại cho anh số tiền 2.700.000 đồng đã đưa cho bị cáo. Xét yêu cầu này của anh C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 48 của BLHS năm 2015 và các Điều 117, 119, 122, 127 và Điều 131 BLDS nên cần chấp nhận và buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại anh C số tiền trên.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại là phù hợp với quy định của Pháp luật cần chấp nhận.

[7] Trong vụ án này còn có anh Dương Văn C là người đã mua chiếc ti vi do bị cáo Đỗ Xuân T trộm cắp của chị M. Sau đó anh C đã gọi cho ông Nguyễn Văn N là bố vợ lên đèo về nhà, nhưng khi mua chiếc ti vi trên của bị cáo thì anh C và ông N không biết chiếc ti vi đó do T phạm tội mà có, nên cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Bình không xử lý gì đối với anh C và ông N là phù hợp.

[8] Cần áp dụng Điều 329 của BLTTHS ra quyết định tạm giam bị cáo Đỗ Xuân T với thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu một khoản án phí Hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án này trong hạn Luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Xuân T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1.Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Xuân T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 12-3-2018.

2. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định khoản 5 Điều 173 của BLHS năm 2015.

3. Áp dụng Điều 329 của BLTTHS: Quyết định tạm giam bị cáo Đỗ Xuân T với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/6/2018).

4. Việc bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 của BLHS năm 2015 và các Điều 117, 119, 122, 127 và Điều 131 của BLDS, buộc bị cáo Đỗ Xuân T có trách nhiệm trả lại anh Dương Văn C số tiền 2.700.000đ(Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh C có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, nếu bị cáo T không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Đỗ Xuân T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án báo cho những người này biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thái nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- Công an huyện Phú Bình;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có QLVNQLQ đến vụ án;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn